

Tiết PPCT : 5

Ngày soạn: 19/9/2026

PHẦN II: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

CHƯƠNG II: TRÁI ĐẤT

BÀI 4: SỰ HÌNH THÀNH TRÁI ĐẤT, VỎ TRÁI ĐẤT VÀ VẬT LIỆU CẤU TẠO VỎ TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Có khả năng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,...

* Năng lực chuyên biệt:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được sơ đồ xác định được nguồn gốc của Trái Đất, lớp vỏ Trái Đất và các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, sơ đồ,...

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về nguồn gốc của Trái Đất, lớp vỏ Trái Đất.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Hình thành tình yêu thiên nhiên.

- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập.

- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Tôn trọng quy luật vận động của tự nhiên. Tích cực bảo vệ tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** TV.

2. **Học liệu:** SGK, tranh cấu tạo vỏ Trái Đất, tranh cấu trúc của Trái Đất.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp:**

2. **Kiểm tra bài cũ:**

* Câu hỏi: Để sử dụng, khai thác bản đồ đạt hiệu quả cao, cần lưu ý những điểm nào?

3. **Hoạt động học tập:**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** HS quan sát hình video nêu được nguồn gốc hình thành Trái Đất.

b) **Nội dung:** HS quan sát TV, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân: Trình bày cấu trúc của Trái Đất.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS (Cấu trúc của Trái Đất gồm có 3 lớp: Lớp vỏ Trái Đất, lớp man-ti và nhân Trái Đất).

d) **Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp trực quan.

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu hình ảnh về nguồn gốc Trái Đất, yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi: Em hãy trình bày nguồn gốc của Trái Đất.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về nguồn gốc hình thành Trái Đất

- a) **Mục tiêu:** Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất.
- b) **Nội dung:** HS quan sát TV, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV:
 - * Câu hỏi: Đọc thông tin trong SGK, hãy trình bày nguồn gốc hình thành Trái Đất.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Nguồn gốc hình thành Trái Đất

- Có nhiều giả thuyết khác nhau về nguồn gốc Trái Đất, liên quan chặt chẽ với sự hình thành Mặt Trời.
- Một số giả thuyết cho rằng:
 - + MT khi hình thành di chuyển trong dải Ngân Hà, đi qua các đám mây bụi và khí.
 - + Do lực hấp dẫn của Vũ Trụ, MT => khí và bụi chuyển động quanh Mặt Trời theo những quỹ đạo hình elip, dần dần ngưng tụ thành các hành tinh (trong đó có Trái Đất).
 - + Vào cuối thời kì vật chất ngưng tụ, quá trình tăng nhiệt bắt đầu diễn ra dẫn đến sự nóng chảy của vật chất bên trong và sắp xếp thành các lớp.

- d) **Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuật think – pair – share.
- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.
 - + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
 - + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm của vỏ Trái Đất, vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất

- a) **Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.
- b) **Nội dung:** HS quan sát TV, sử dụng SGK và quan sát tranh cấu tạo vỏ Trái Đất và vỏ địa lí, tranh cấu trúc của Trái Đất để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

2. Đặc điểm của vỏ Trái Đất

- Cấu trúc của Trái Đất: 3 lớp: vỏ Trái Đất, manti và nhân Trái Đất.
- Khái niệm: Vỏ Trái Đất là lớp vật chất cứng ngoài cùng của Trái Đất.
- Độ dày: 5 - 70 km.
- Các kiểu chính: Vỏ lục địa và vỏ đại dương.
- Thành phần cấu tạo:
 - + Tầng trầm tích: do các vật liệu vụn, nhỏ bị nén chặt tạo thành, không liên tục và có độ dày không đều.
 - + Tầng granit: gồm các loại đá nhẹ tạo nên.
 - + Tầng badan: gồm các loại đá nặng hơn tạo nên.

3. Vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất

- Vật liệu cấu tạo: khoáng vật và đá.
- Đặc điểm:
 - + Khoáng vật: là những nguyên tố tự nhiên hoặc hợp chất hóa học trong thiên nhiên, xuất hiện do kết quả của các quá trình địa chất.

- + Đá: là 1 tập hợp của 1 hay nhiều khoáng vật, là bộ phận chủ yếu cấu tạo nên vỏ Trái Đất, gồm có 3 nhóm:
- Đá mácma: được tạo thành do các quá trình ngưng kết của các silicat nóng chảy.
 - Đá trầm tích: hình thành trong các vùng trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu vụn nhỏ.
 - Đá biến chất: được thành tạo từ đá macma hoặc đá trầm tích bị biến đổi sâu sắc do tác động của áp suất, nhiệt độ.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu HS đọc mục 2 - SGK, kết hợp vốn hiểu biết để hoàn thành nhiệm vụ sau:

- + Nhóm 1, 3: Tìm hiểu đặc điểm của vỏ Trái Đất.
- + Nhóm 2, 4: Tìm hiểu vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
- + GV quan sát và trợ giúp các nhóm.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + Các nhóm cùng nội dung trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
- + Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

Câu hỏi 1: Nêu đặc điểm các tầng đá của vỏ Trái Đất.

Câu hỏi 2: Theo nguồn gốc, các loại đá cấu tạo nên vỏ Trái Đất gồm mấy nhóm? Các nhóm đá được hình thành như thế nào?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Câu hỏi 1: Đặc điểm các tầng đá của vỏ Trái Đất: 3 tầng đá

- Tầng trầm tích: do các vật liệu vụn, nhỏ bị nén chặt tạo thành, không liên tục và có độ dày không đều.

- Tầng granit: gồm các loại đá nhẹ tạo nên.

- Tầng badan: gồm các loại đá nặng hơn tạo nên.

Câu hỏi 2: Theo nguồn gốc, các loại đá cấu tạo nên vỏ Trái Đất gồm có 3 nhóm, được hình thành:

- Đá mácma: được tạo thành do các quá trình ngưng kết của các silicat nóng chảy.

- Đá trầm tích: hình thành trong các vùng trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu vụn nhỏ.

- Đá biến chất: được thành tạo từ đá macma hoặc đá trầm tích bị biến đổi sâu sắc do tác động của áp suất, nhiệt độ.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để liên hệ thực tế về nguồn gốc hình thành và sự phân bố một số loại đá ở Việt Nam.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

Câu hỏi: Hãy tìm hiểu nguồn gốc hình thành và các vùng phân bố của đá vôi Việt Nam.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

- Đá vôi là loại một loại đá trầm tích, về thành phần hóa học chủ yếu là khoáng vật calcit và aragonit (các dạng kết tinh khác nhau của cacbonat calci CaCO_3). Đá vôi ít khi ở dạng tinh khiết, mà thường bị lẫn các tạp chất như đá phiến silic, silica và đá mácma cũng như đất sét, bùn, cát, bitum,... nên nó có màu sắc từ trắng đến màu tro, xanh nhạt, vàng và cả màu hồng sẫm, màu đen.

- Đá vôi phân bố nhiều ở vùng núi Đông Bắc.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS tìm tài liệu.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
 - **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
 - **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, yêu cầu về nhà hoàn thiện.
- 4. Hướng dẫn về nhà:**
- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
 - Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới: Bài 5. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.